

Số: 59/2019/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 26 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh **Lường Văn X** - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

* *Bị đơn*: Chị **Tòng Thị C** - Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông **Lường Văn Định**; Địa chỉ: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông **Tòng Văn Nọt** và bà **Tòng Thị Nhón**; Cùng địa chỉ: Bản Ch, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, 37, khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 39, 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2019;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Lường Văn X** và Chị **Tòng Thị C**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân*: Anh **Lường Văn X** và chị **Tòng Thị C** thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Chị Tòng Thị C được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lường Chung Kh - sinh ngày 01/8/2008 và cháu Lường Thị Kiều Tr - sinh ngày 02/5/2010 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị C không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*** Về tài sản:**

- *Về tài sản riêng, diện tích ruộng nương:* Không có.

- *Về tài sản chung:*

+ Anh Lường Văn X được quyền quản lý và sử dụng 02 bộ chăn ga, gối đệm trị giá: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

+ Chị Tòng Thị C được quyền quản lý và sử dụng 1 ngôi nhà sàn gỗ ba gian và bếp xây dựng trên đất của ông Tòng Văn N và bà Tòng Thị Nh tại địa chỉ: Bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trị giá: 71.075.706 đồng (Bảy mươi một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm linh sáu đồng); 1 xe máy SUFAT mang biển kiểm soát 27B1- 095.84 mang tên Lường Văn X trị giá 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng); 01 ti vi SONY 21 in trị giá: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); 02 bộ chăn ga, gối đệm trị giá: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tổng giá trị tài sản: **75.875.706 đồng** (Bảy mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm linh sáu đồng).

Chị Tòng Thị C có trách nhiệm thanh toán cho anh Lường Văn X tiền chênh lệch giá trị tài sản số tiền là: **33.000.000 đồng** (Ba mươi ba triệu đồng). Số tiền này chị C đã thanh toán đủ cho anh X vào ngày 18/4/2019 (có biên bản giao nhận tiền kèm theo).

- *Đối với số tiền 7.500.000 đồng trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về nợ:**

- *Nợ phải trả:*

+ Anh Lường Văn X có trách nhiệm trả cho ông Tòng Văn N 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền thuốc men do anh X đánh gãy tay. Số tiền này anh X đã thanh toán đủ cho ông N (có biên bản giao nhận tiền kèm theo).

+ Anh Lường Văn X và chị Tòng Thị C mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông Lường Văn Đ số tiền là 7.000.000 đồng (Tổng cộng bằng: 14.000.000 đồng - Mười bốn triệu đồng) tiền công thợ làm nhà.

- *Nợ lấy về:* Không có.

*** Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:** Căn cứ vào khoản 3 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự anh Lường Văn X tự nguyện chịu

toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 05/4/2019 với số tiền là: 4.700.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*).

*** Về án phí:** Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho anh Lương Văn X và chị Tòng Thị C.

*** Về nghĩa vụ thi hành án:** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lương Văn Đ cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả cho ông Định, hàng tháng anh Lương Văn X và chị Tòng Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDHĐB
- Chi cục THADSHĐB;
- UBND xã Mường Phăng HĐB;
- Đường sự;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Kế toán;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Tuyền